

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2021/HS-ST

Ngày 25-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Nguyễn Thị Phương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H M, tỉnh N A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M, tỉnh N A tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Th Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 113/2021/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị H1**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 05 tháng 7 năm 1999, tại thị xã H M, tỉnh N A.

Nơi cư trú: Thôn 3B xã Q L, thị xã H M, tỉnh N A.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

Trình độ học vấn: 12/12.

Nghề nghiệp: Kế toán

Họ tên cha: Nguyễn Văn Đ1; Sinh năm 1975.

Họ tên mẹ: Lê Thị Đ2; Sinh năm 1979.

Anh chị em ruột: Gia đình có 3 chị em, bị can là con thứ nhất.

Chồng: Lê Công V; Sinh năm 1997

Con: có 2 người, lớn nhất 2 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Bá Đ3, sinh năm 1969 (Có mặt).

Trú tại: Khối T T, phường Q T, thị xã H M, N A.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lộc Thị Lệ H2, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn Đ M, xã Q L1, thị xã H M, tỉnh N A.

2. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn 4, xã Q L, thị xã H M, tỉnh N A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H1 là kế toán tại xưởng xăm lóp “Anh Đại” do ông Nguyễn Bá Đ3, sinh năm 1969, trú tại khối T T, phường Q T, thị xã H M làm chủ. Vào khoảng 17 giờ ngày 28/9/2021, Nguyễn Thị H1 thấy ông Đ3 để chiếc điện thoại loại Iphone 11 để sạc pin trên bàn làm việc tại xưởng thì nảy sinh ý định trộm tiền trong tài khoản ngân hàng của ông Đ3. H1 sử dụng điện thoại Iphone 6S có số thuê bao là 0865736894 của mình đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng BIDV Smart Banking mà H1 đã cài đặt trên điện thoại từ trước rồi dùng số điện thoại của ông Đ3 là 0912958070 đăng nhập và ấn vào mục “quên mật khẩu” thì phần mềm ứng dụng yêu cầu cung cấp các thông tin cần thiết để cấp lại mật khẩu thì H1 đều nhập đúng yêu cầu gồm: Số điện thoại đăng ký BIDV Smart Banking: 0912958070; số tài khoản của ông Đ3: 515100000235699; Họ tên tài khoản: N B D; ngày tháng năm sinh: 02/09/1969; chứng minh nhân dân: 186288880. Sau khi điền đầy đủ thông tin H1 ấn “tiếp tục” thì hệ thống ứng dụng BIDV Smart Banking gửi vào máy điện thoại của ông Đ3 tin nhắn mã số “OTP”, lúc này tin nhắn hiện lên trên màn hình máy của ông Đ3 nên H1 lấy mã số OTP này nhập vào điện thoại của mình rồi tiếp tục thì mật khẩu mới gửi về máy của ông Đ3. Sau khi thấy mật khẩu, H1 tiếp tục nhập mật khẩu trên ứng dụng BIDV Smart Banking thì tài khoản yêu cầu nhập lại mật khẩu mới và chứng minh nhân dân thì H1 nhập mật khẩu mới và chứng minh nhân dân của ông Đ3, lập tức có mã xác nhận gửi về máy điện thoại của ông Đ3. Lúc này thấy mã xác nhận hiện lên trên màn hình điện thoại thì H1 đăng nhập mã này vào tài khoản của ông Đ3 thì vào được tài khoản ngân hàng BIDV số: 515100000235699. Sau khi vào được tài khoản này, H1 vào mục chuyển tiền từ tài khoản của ông Nguyễn Bá Đ3 đến những tài khoản của người khác để chiếm đoạt tài sản như sau:

Lúc 17 giờ 23 phút cùng ngày, H1 chuyển số tiền 8.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng BIDV của ông Đ3 có số tài khoản 515100000235699 đến số tài khoản ngân hàng Techcombank: 19037087833013 của chị Lộc Thị Lệ H2 (sinh năm 2000, trú tại thôn Đ M, xã Q L1, thị xã H M) để trả nợ cho chị H2 số tiền 800.000 đồng đã vay trước đó. Sau khi chuyển tiền xong, H1 nhắn tin cho chị H2 nói “ chị chuyển tiền nợ cho em mà bấm thừa số 0, em trừ nợ rồi chuyển tiền thừa cho chị” rồi nhắn số tài khoản ngân hàng BIDV của mình là 51510000284231. Chị H2 thấy vậy nên chuyển khoản trả lại cho H1 số tiền 7.200.000 đồng. Số tiền này H1 tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi chuyển tiền cho chị Lộc Thị Lệ H2 xong, Nguyễn Thị H1 nhắn tin cho chị Trần Thị Th, sinh năm 1994, trú tại thôn 4, xã Q L, thị xã H M hỏi trả nợ tiền và nói “ Có nhà ni gửi em 4 triệu mà tài khoản em bị khoá, gửi chị rồi tí em qua lấy tiền mặt nhá” thì chị Th đồng ý. Lúc 17 giờ 46 phút cùng ngày, H1 chuyển tiếp số tiền 4.000.000 đồng từ tài khoản của ông Nguyễn Bá Đ3 đến số tài khoản của chị Trần Thị Th là ngân hàng MB bank:1368199388888. Sau khi chuyển tiền xong thì 18 giờ 30 phút H1 nhờ chị Phạm Thị H3, sinh năm 2006, trú tại thôn 3b xã Q L, thị xã H M đến nhà chị Th lấy tiền. Chị Th đưa cho Phạm Thị H3 số tiền 3.370.000

đồng (sau khi đã trừ nợ số tiền 630.000 đồng mà H1 nợ cước Viettel và phí chuyển tiền). Phạm Thị H3 đã đưa số tiền này cho H1. H1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền xong thì Nguyễn Thị H1 xóa hết tất cả tin nhắn của ngân hàng BIDV gửi đến mà hiện lên điện thoại của ông Đ3.

Tổng số tiền Nguyễn Thị H1 chiếm đoạt của ông Nguyễn Bá Đ3 là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Bản cáo trạng số 117/CT-VKS-HM ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M, tỉnh N A đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu vàng, có số imel 35856807683939, có lắp sim số thuê bao 0865736894 thu giữ của Nguyễn Thị H1

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lộc Thị Lệ H2 và chị Nguyễn Thị Th sau khi biết số tiền Nguyễn Thị H1 chuyển trả nợ cho mình là tiền phạm tội mà có thì đã trả lại tiền cho Nguyễn Thị H1 và không yêu cầu gì. Ông Nguyễn Bá Đ3 đã được Nguyễn Thị H1 trả lại số tiền 12.000.000 bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì khác.

Về án phí bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không tranh luận gì với Kiểm sát viên, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra – Công an thị xã H M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa hôm nay có căn cứ kết luận: Trong thời gian từ lúc 17 giờ 23 phút đến 17 giờ 46 phút ngày 28/9/2021, lợi dụng lúc ông Nguyễn Bá Đ3 để điện thoại Iphone 11 sạc pin để trên bàn làm việc tại xưởng xăm lớp của anh Đại ở khối T T, phường Q T, thị xã H M. Nguyễn Thị H1 đã đăng nhập vào tài khoản ngân hàng BIDV qua hệ thống BIDV smart Banking của ông Nguyễn Bá Đ3 rồi chuyển 8.000.000 đến số tài khoản ngân hàng của chị Lộc Thị Lệ H2 và 4.000.000 đến số tài khoản ngân hàng của chị Trần Thị Th, chiếm đoạt tổng số tiền 12.000.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân thị xã H M truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là phụ nữ nên chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương. Không cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ nghiêm. Bị cáo hiện nay đang có nghề nghiệp nên cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại nhận đủ các tài sản đã mất không có yêu cầu gì, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Về vật chứng: Đối với một (01) chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu vàng, có số imel 35856807683939, có lắp sim số thuê bao 0865736894 của Nguyễn Thị H1 đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã H M quản lý theo quy định. Đây là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 36 Bộ luật hình sự BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 20 (Hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thị H1 được tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho UBND xã Q L, thị xã H M, tỉnh N A giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước (01) chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu vàng, có số imel 35856807683939, có lắp sim số thuê bao 0865736894 điện thoại đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng có tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã H M với Chi cục thi hành án dân sự thị xã H M.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 phải nộp 200.000 đ(Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thị xã H M;
- Chi cục THADS thị xã H M;
- Sở Tư pháp;
- CA thị xã H M;
- VKSND tỉnh N A;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Huy